

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC HÀ NỘI

CÁCH KÊ ĐƠN THUỐC THEO LÝ LUẬN Y HỌC CỔ TRUYỀN.

Th.s Bs. Bùi Thị Phương

Giảng Viên Bộ Môn Y học cổ truyền

MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Hiểu được thủ tục hành chính của 1 đơn thuốc.
2. Nắm được cách kê đơn thuốc theo YHCT.
3. Phối hợp và cầm kị trong khi dùng thuốc.



KÊ ĐƠN THUỐC TRONG YHCT

- Kê đơn thuốc trong YHCT, hay **Lập Phương Tễ**, là quá trình tổng hợp và tổ chức các vị thuốc Đông dược thành một bài thuốc hoàn chỉnh (gọi là **Phương Tễ**), có định lượng và cách dùng cụ thể, nhằm mục đích **điều trị thể bệnh đã được chẩn đoán**.
- Kê đơn YHCT luôn tuân thủ nguyên tắc cốt lõi là **Biện Chứng Luận Trị**.



MỤC ĐÍCH

- **Chủ trị bệnh chính (Cầu Kỳ Bản):** Giải quyết gốc bệnh đã được chẩn đoán.
- **Điều trị kèm chứng:** Điều trị các triệu chứng phức tạp hoặc thứ cấp đi kèm.
- **Hóa giải tác dụng phụ (Tá):** Giúp bài thuốc dễ hấp thu, tránh gây khó tiêu, buồn nôn hoặc các tác dụng phụ khác.
- **Dẫn thuốc (Sứ):** Đưa thuốc đến đúng tạng phủ, kinh lạc bị bệnh để tăng hiệu quả điều trị.

ĐIỀU KIỆN VÀ PHẠM VI CỦA KÊ ĐƠN

Người kê đơn

- Phải có **Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh** và đang hành nghề tại cơ sở khám chữa bệnh hợp pháp.

Nguyên tắc chuyên môn

- Chỉ được kê đơn sau khi đã trực tiếp khám bệnh, chẩn đoán bệnh và thực hiện **Biện Chứng Luận Trị** theo YHCT hoặc kết hợp YHCT với YHHĐ.
- Đơn thuốc phải đảm bảo đúng loại thuốc, liều lượng, phù hợp với chẩn đoán và diễn biến bệnh lý.

ĐIỀU KIỆN VÀ PHẠM VI CỦA KÊ ĐƠN

Phạm vi kê đơn YHCT

- **Bác sĩ Chuyên khoa YHCT** hoặc **Bác sĩ Định hướng YHCT**: Được phép kê đơn tất cả các dạng thuốc YHCT và được kê đơn **kết hợp** thuốc YHCT với thuốc tân dược (trong phạm vi chuyên môn).

- **Lương y, Y sĩ YHCT**: Chỉ được phép kê đơn **thuốc YHCT đơn thuần** (thuốc thang, thuốc thành phẩm YHCT, bài thuốc gia truyền được cấp phép), **không được phép** kê đơn kết hợp với thuốc tân dược.

- **Người có bài thuốc gia truyền**: Chỉ được phép kê đơn theo **bài thuốc gia truyền đã được cấp giấy chứng nhận** theo quy định.

ĐIỀU KIỆN VÀ PHẠM VI CỦA KÊ ĐƠN

Thời gian kê đơn

- **Bệnh cấp tính:** Kê đơn với số lượng thuốc sử dụng tối đa **10 ngày**.
- **Bệnh mạn tính/chữa trị dài ngày:** Kê đơn tối đa **30 ngày** (hoặc theo hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế).
- **Vùng khó khăn:** Tối đa **30 ngày** (cho ngoại trú)

Những nội dung không được kê vào đơn

- Thuốc không nhằm mục đích chữa bệnh, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, thuốc không được lưu hành hợp pháp, hoặc kê theo đề nghị của người bệnh.

NGUYÊN TẮC CHUNG KHI KÊ ĐƠN YHCT

1. Phải dựa trên biện chứng luận trị – không kê theo cảm tính.
2. Bác sĩ có chứng chỉ hành nghề YHCT hợp lệ mới được ký đơn.
3. Đơn thuốc phải rõ ràng, chính xác, đầy đủ: không tẩy xóa, không viết tắt.
4. Không kê thuốc có độc tính hoặc vị quý hiếm vượt quy định khi không có chỉ định lâm sàng.
5. Đơn thuốc chỉ dùng cho 1 người bệnh cụ thể, không sao chép hoặc sử dụng chung.
6. Mỗi toa chỉ dùng cho 1 đợt điều trị, tối đa 30 ngày đối với thuốc thang, 10 ngày đối với thuốc tán/hoàn cao đơn giản.

THỦ TỤC VÀ CÁCH GHI ĐƠN THUỐC

- **Chữ viết:** Chính xác, rõ ràng, ghi đủ theo các mục in trong đơn, sổ khám bệnh. **Không được viết tắt** tên thuốc cổ truyền/dược liệu.
- **Thông tin người bệnh:** Ghi chính xác địa chỉ cư trú/tạm trú. Với trẻ em dưới 72 tháng tuổi, phải ghi số tháng tuổi và tên bố/mẹ.
- **Ký tên:** Gạch chéo phần giấy còn trống phía dưới nội dung kê đơn, **ký và ghi rõ họ tên** người kê đơn.
- **Sửa chữa:** Trường hợp có sửa chữa nội dung đơn thuốc, người kê đơn phải **ký tên ngay bên cạnh** nội dung sửa.

THỦ TỤC VÀ CÁCH GHI ĐƠN THUỐC

Cách ghi đối với Thuốc Thang

- Ghi tên thường dùng, ghi rõ:
 - **khối lượng (gram), đơn vị tính** (ví dụ: g)
 - **số lượng thang thuốc** (ngày thuốc).
- Hướng dẫn cụ thể;
 - **cách sắc thuốc, cách uống thuốc và thời gian uống thuốc** (ví dụ: Sắc uống 1 thang/ngày, chia 3 lần, uống sau ăn).

THỦ TỤC VÀ CÁCH GHI ĐƠN THUỐC

Thứ tự ưu tiên kê đơn

- **Đơn YHCT đơn thuần:** Thuốc thang trước, sau đó đến thuốc thành phẩm (viên, nước, bột, cao...).
- **Đơn kết hợp:** Thuốc hóa dược trước, sau đó đến thuốc YHCT (thuốc thang, thuốc thành phẩm).
- Thời hạn lưu đơn thuốc (ngoại trú) đối với thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu là **03 tháng**.

CẤU TRÚC MỘT ĐƠN THUỐC YHCT (THEO MẪU HÀNH CHÍNH)

1. Phần hành chính (đầu đơn)	2. Thông tin người bệnh	3. Nội dung đơn thuốc
<ul style="list-style-type: none">• Tên cơ sở khám chữa bệnh (ghi rõ tuyến, địa chỉ, mã số cơ sở).• Số hồ sơ bệnh án/ Mã bệnh nhân/ Mã bảo hiểm y tế (nếu có).• Số đơn thuốc (theo sổ quản lý đơn).• Ngày kê đơn.	<ul style="list-style-type: none">• Họ và tên, giới tính, tuổi.• Nghề nghiệp, địa chỉ, số điện thoại.• Triệu chứng chính, chẩn đoán bệnh (YHCT và YHHD nếu có).• Chứng YHCT: theo tạng phủ, âm dương, hư thực.• Pháp trị: nguyên tắc điều trị (ví dụ: ôn dương kiện tỳ, sơ can lý khí...).	<ul style="list-style-type: none">• Tên bài thuốc hoặc phương khung (nếu có).• Danh mục vị thuốc: ghi rõ từng vị, tên Hán Việt – tên Việt, dạng dùng, liều lượng (gram), cách chế biến (sao, tẩm, chích...), ghi chú vị độc cần chú ý.• Tổng số thang hoặc số ngày dùng.• Cách sắc – cách uống – thời điểm dùng (trước/sau ăn, sáng – trưa – tối).• Hướng dẫn thêm: kiêng kỵ, ăn uống, sinh hoạt, theo dõi triệu chứng.

YÊU CẦU QUẢN LÝ VÀ LƯU TRỮ

- **Lưu đơn thuốc** cùng hồ sơ bệnh án, ít nhất 2 năm (phòng khám), 10 năm (bệnh viện).
- **Ghi rõ mã toa thuốc**, để phục vụ truy xuất khi thanh kiểm tra.
- **Khi kê đơn điện tử**, phải đảm bảo hệ thống quản lý được chứng thực bởi Bộ Y tế
- **Khi cấp thuốc có độc tính (Phụ tử, Ô đầu, Ba đậu...):** ghi chú rõ, ký nháy xác nhận và hướng dẫn an toàn rõ ràng.

SAI SÓT THƯỜNG GẶP VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

Sai sót	Hậu quả	Biện pháp
<ul style="list-style-type: none">• Không ghi chẩn đoán YHCT	<ul style="list-style-type: none">• Vi phạm quy định, dễ kê sai	<ul style="list-style-type: none">• Luôn ghi song song YHHD – YHCT
<ul style="list-style-type: none">• Viết tắt, tẩy xóa	<ul style="list-style-type: none">• Bị loại đơn, không hợp lệ	<ul style="list-style-type: none">• Viết rõ, có gạch chéo phần trống
<ul style="list-style-type: none">• Không hướng dẫn cách dùng	<ul style="list-style-type: none">• Người bệnh dùng sai	<ul style="list-style-type: none">• Luôn ghi “uống 2 lần/ngày, sau ăn”
<ul style="list-style-type: none">• Kê vượt số ngày quy định	<ul style="list-style-type: none">• Bị từ chối thanh toán BHYT	<ul style="list-style-type: none">• Không quá 30 ngày/thang
<ul style="list-style-type: none">• Dùng vị có độc mà không cảnh báo	<ul style="list-style-type: none">• Nguy cơ ngộ độc	<ul style="list-style-type: none">• Ghi chú “rõ ràng, không dùng cho PNCT”...

II. KÊ ĐƠN THUỐC THEO LÝ LUẬN YHCT (BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ).

2.1 Kê đơn theo cổ phương gia giảm.

- Cổ phương là những bài thuốc có kinh nghiệm điều trị tốt, được người xưa truyền lại.
- Thường hội chứng bệnh tật có 1 bài thuốc tương ứng.
- Dạng thuốc: thuốc thang, thuốc tán, hoàn, rượu thuốc...
- **VD: Cảm mạo phong hàn biểu thực:** sợ lạnh, phát sốt đau đầu, không có mồ hôi, ho, mạch phù khẩn dùng bài Ma hoàng thang:

Ma hoàng 6g

Quế chi 4g

Hạnh nhân 8g

Cam thảo 4g.

MA HOÀNG THANG



II. KÊ ĐƠN THUỐC THEO LÝ LUẬN YHCT (BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ).

2.2 Kê đơn theo đối pháp lập phương.

- Căn cứ vào tác dụng chữa bệnh của các vị thuốc, rồi kê đơn theo nguyên tắc Quân, thần, tá, sử, gia giảm tạo thành đơn thuốc.
- Ví dụ: Bệnh thấp tim có sưng đau các khớp, sốt, chất lưỡi đỏ, mạch phù sắc;
- Pháp: **Khu phong thanh nhiệt, hoạt huyết, lợi niệu.**

Thổ phục linh 16g

Hy thiêm 12g

Phòng phong 8g

} Khu phong

Ké đầu ngựa 16g

Kim ngân hoa 16g

} TNGĐ

Kê huyết đằng 12g

Ngưu tất 12g

} Hoạt huyết

Ý dĩ 12g

Xa tiền 12g

} Lợi niệu

III. KÊ ĐƠN THEO NGHIỆM PHƯƠNG (GIA TRUYỀN)

- Thường dùng theo kinh nghiệm dân gian chữa một số bệnh hay một chứng bệnh nhất định.
- **VD: Bồ công anh 100g:** uống nước, bã đắp tại chỗ chữa viêm tuyến vú.

Bột khung chỉ (xuyên khung, bạch chỉ) chữa cảm mạo.

- **Nhược điểm??**



IV. KÊ ĐƠN THEO TOA CĂN BẢN.

- Cần phân biệt hàn nhiệt, hư thực của bệnh để chọn, gia giảm cho phù hợp.
- Tùy theo nguyên nhân gây bệnh và các triệu chứng để chọn các vị thuốc.
- Tùy thuốc theo vị thuốc có sẵn trong tay, có tại địa phương mà thay thế cho phù hợp.
- Trong toa căn bản có 2 phần: phần điều hòa cơ thể và phần chữa các bệnh tật.

THÀNH PHẦN TRONG TOA CĂN BẢN

Nhóm công năng	Vị thuốc thường dùng	Tác dụng
• Kiện Tỳ – hòa Vị	• Bạch truật, Phục linh, Cam thảo, Trần bì	• Tăng tiêu hóa, giảm đầy trệ
• Thanh nhiệt – giải độc	• Sinh địa, Cam thảo đất, Hạ khô thảo	• Giải nhiệt độc nhẹ, mát gan
• Nhuận gan – hành khí	• Hương phụ, Ích mẫu, Bạch thược	• Điều hòa khí huyết, giảm đau
• Khai khiếu – tiêu thực	• Hương nhu, Tía tô, Hành, Kinh giới, Bạch chỉ	• Giải biểu, hóa ứ, giảm cảm sốt nhẹ
• Lợi thấp – thông tiểu	• Ý dĩ nhân, Trạch tả	• Giảm phù, thanh thấp nhiệt

V. SỰ PHỐI HỢP CỦA CÁC VỊ THUỐC

- Phối ngũ là việc sử dụng 2 vị thuốc trở lên.
- **Mục đích:** phát huy hiệu lực chữa bệnh, hạn chế tác dụng không mong muốn của vị thuốc.



V. SỰ PHỐI HỢP CỦA CÁC VỊ THUỐC

Vai trò	QUÂN	Ví dụ minh họa
<ul style="list-style-type: none">Vị trí	<ul style="list-style-type: none">1-2 vị	<ul style="list-style-type: none">Vị thuốc chính, có tác dụng mạnh nhất, nhắm thẳng vào chủ chứng và gốc bệnh (Bản) đã được Biện Chứng Luận Trị.
<ul style="list-style-type: none">Chức năng	<ul style="list-style-type: none">Chủ trị: Là vị quyết định phương hướng điều trị và tính chất của toàn bài thuốc (Hàn, Nhiệt, Bổ, Tả).	<ul style="list-style-type: none">Trong bài Tứ Vật Thang (Bổ Huyết): Thục Địa là vị Quân, chuyên Bổ Huyết, Tư Âm.
<ul style="list-style-type: none">Định lượng	<ul style="list-style-type: none">Thường dùng với liều lượng cao nhất để đảm bảo sức mạnh công	<ul style="list-style-type: none">Trong bài Quế Chi Thang (Giải biểu): Quế Chi là vị Quân, có tác dụng ôn dương giải biểu.

V. SỰ PHỐI HỢP CỦA CÁC VỊ THUỐC

Vai trò	THẦN	Ví dụ minh họa
<ul style="list-style-type: none">Vị trí	<ul style="list-style-type: none">2-3 vị	<ul style="list-style-type: none">Vị thuốc hỗ trợ, có vai trò thứ hai sau vị Quân.
<ul style="list-style-type: none">Chức năng	<ul style="list-style-type: none">Tăng cường hiệu quả: Hỗ trợ vị Quân hoàn thành mục tiêu điều trị bệnh chính.Điều trị kèm chứng: Giải quyết các triệu chứng phụ, bệnh thứ cấp đi kèm.	<ul style="list-style-type: none">Trong bài Tứ Vật Thang: Đương Quy là vị Thần, không chỉ Bổ Huyết mà còn Hoạt Huyết, giúp huyết lưu thông, ngăn chặn sự ãn trệ do Thục Địa.
<ul style="list-style-type: none">Định	<ul style="list-style-type: none">Liều lượng thấp hơn vị Quân, nhưng	<ul style="list-style-type: none">Trong bài Lý Trung Thang (Ôn Trung): Nhân Sâm (Quân) Bổ Khí, Bạch Truật

V. SỰ PHỐI HỢP CỦA CÁC VỊ THUỐC

Vai trò	TÁ	Ví dụ minh họa
<ul style="list-style-type: none">Vị trí	<ul style="list-style-type: none">Nhiều vị	<ul style="list-style-type: none">Có vai trò hỗ trợ đa dạng và linh hoạt nhất.
<ul style="list-style-type: none">Chức năng	<ul style="list-style-type: none">Điều trị phụ chứng: Xử lý các triệu chứng nhỏ lẻ.Kiểm soát độc tính: Giảm bớt tác dụng phụ gay gắt của vị Quân/Thần (ví dụ: tính táo, nê trệ).Tác dụng ngược: Đôi khi có tác dụng ngược với vị Quân để điều chỉnh sự thiên lệch (ví dụ: dùng vị hàn trong bài thuốc nóng để điều hòa).	<ul style="list-style-type: none">Trong bài Tứ Vật Thang: Bạch Thược là vị Tá, giúp Liễm Âm Dưỡng Can và kiềm chế tính nê trệ của Thục Địa, đồng thời hỗ trợ Đương Quy giảm đau.
<ul style="list-style-type: none">Định lượng	<ul style="list-style-type: none">Liều lượng vừa phải, đủ để hoàn thành nhiệm vụ phụ trợ và điều hòa.	<ul style="list-style-type: none">Trong bài Ma Hoàng Thang (Giải biểu mạnh): Hạnh Nhân là vị Tá, giúp tuyên Phế, giáng khí, chống lại tác dụng phát hãn quá mạnh của Ma Hoàng.

NGUYÊN TẮC CƠ BẢN: QUÂN – THẦN – TÁ – SỨ

Vai trò	SỨ	Ví dụ minh họa
<ul style="list-style-type: none">Vị trí	<ul style="list-style-type: none">1-2 vị	<ul style="list-style-type: none">Vị thuốc cuối cùng, mang tính dẫn đường.
<ul style="list-style-type: none">Chức năng	<ul style="list-style-type: none">Hai vai trò chính:<ul style="list-style-type: none">① Hướng kinh – dẫn thuốc đến tạng phủ, kinh lạc cần trị② Điều hòa – hòa vị, điều hòa toàn phương	<ul style="list-style-type: none">Trong bài Tứ Vật Thang: Xuyên Khung là vị Sứ, có tác dụng Hành Khí, Hoạt Huyết nhẹ, giúp dẫn toàn bộ Huyết đến các chi và chống lại sự ứ trệ (nê trệ) của thuốc Bổ.
<ul style="list-style-type: none">Định lượng	<ul style="list-style-type: none">Thường dùng với liều lượng thấp nhất.	<ul style="list-style-type: none">Trong nhiều bài thuốc, Cam Thảo hoặc Sinh Khương/Đại Táo thường được dùng làm Sứ để điều hòa Vị Khí và toàn bộ bài thuốc.

NGUYÊN TẮC CHUNG TRƯỚC KHI DÙNG THUỐC

1. Biện chứng chuẩn xác:

- Nắm rõ hư – thực, hàn – nhiệt, âm – dương, biểu – lý.
- Không thấy một triệu chứng mà vội chọn thuốc.

2. Tùy người mà dùng thuốc:

- Dựa vào tuổi, giới, cơ địa, nghề nghiệp, sức khỏe tạng phủ.

3. Tùy thời mà dùng thuốc:

- Mùa hàn – thuốc ôn; mùa nhiệt – thuốc lương.
- Ban ngày trị dương, ban đêm dưỡng âm.

4. Tùy bệnh mà biến hóa:

- Cấp – công hạ; mạn – điều hòa; khí – huyết – tân dịch phân rõ.

5. Tùy phương tiện:

- Sắc, hoàn, tán, cao, rượu, trà dược... chọn thích hợp.

NGUYÊN TẮC CHUNG TRƯỚC KHI DÙNG THUỐC

- YHCT coi việc dùng thuốc như dùng binh, cần phân biệt hư – thực, hàn – nhiệt, biểu – lý, âm – dương rõ ràng.
- “**Dược vô định tính, nhân hữu định bệnh**” — cùng một vị thuốc có thể là cứu tinh hoặc là độc dược, tùy người và thời điểm.
- 📖 *Trương Trọng Cảnh dạy:*
“Dụng dược như dụng binh, sai một ly đi một dặm;
Hư mà dùng công, thực mà dùng bổ – đều là lỗi lớn của thầy thuốc.”

NGUYÊN TẮC CHUNG TRƯỚC KHI DÙNG THUỐC

Sai lầm	Cơ chế	Ví dụ lâm sàng	Hậu quả
<ul style="list-style-type: none">Hư mà dùng công	<ul style="list-style-type: none">Làm hao khí huyết, hư thoát	<ul style="list-style-type: none">BN tỳ hư, tiêu chảy, dùng Đại thừa khí thang → mất nước	<ul style="list-style-type: none">Kiệt sức, tụt huyết áp
<ul style="list-style-type: none">Thực mà dùng bổ	<ul style="list-style-type: none">Lưu tà, nhiệt bốc, sinh ú	<ul style="list-style-type: none">BN cảm mạo chưa giải, uống Nhân sâm → sốt tăng	<ul style="list-style-type: none">Tích nhiệt, mụn nhọt
<ul style="list-style-type: none">Hàn mà dùng hàn	<ul style="list-style-type: none">Tổn dương khí	<ul style="list-style-type: none">BN lạnh bụng, tiêu chảy mà dùng Hoàng liên	<ul style="list-style-type: none">Hư hàn tăng
<ul style="list-style-type: none">Nhiệt mà dùng nhiệt	<ul style="list-style-type: none">Hao âm dịch, tăng hỏa	<ul style="list-style-type: none">BN âm hư, uống Quế – Phụ	<ul style="list-style-type: none">Mất ngủ, hồi hộp

☞ *Lâm sàng*: Bệnh nhân âm hư hỏa vượng, sinh viên lại kê Quế chi thang — hậu quả: khát, tim nhanh, bốc hỏa.

VI.SỰ CẤM KỴ TRONG KHI DÙNG THUỐC

6.1 Những vị thuốc cấm kỵ khi có thai:

- Ba đậu (*tả hạ*); khiên ngư, Đại kích, Thương lục (*trục thủy*); Sạ hương (*phá khí*); Nga truyệt (*phá huyết*).
- **Thận trọng:** đào nhân, hồng hoa; Bán hạ, Đại hoàng (*tả hạ*); chỉ thực (*phá khí*); Phụ tử, Can khương, Nhục quế (*đại nhiệt*).



VI.SỰ CẤM KỶ TRONG KHI DÙNG THUỐC

6.2 Các vị thuốc tương phản lẫn nhau:

- **Cam thảo chống:** Cam toại, Nguyên hoa.
- **Ô đầu phản:** Bối mẫu, Bán hạ, Bạch cập...
- **Lê lô phản:** các loại Sâm, Tế tân, Bạch thược..



Cấm Kỵ Trong Thai Sản (Phụ Nữ Có Thai)

Đối tượng	Cấm dùng / Thận trọng	Lý do – ví dụ
<ul style="list-style-type: none">• Phụ nữ có thai	<ul style="list-style-type: none">• Đào nhân, Hồng hoa, Nga truật, Xạ hương...	<ul style="list-style-type: none">• Gây co bóp tử cung, sảy thai
<ul style="list-style-type: none">• Phụ nữ cho con bú	<ul style="list-style-type: none">• Hoàng liên, Hoàng cầm, Phụ tử	<ul style="list-style-type: none">• Giảm sữa, gây độc cho trẻ
<ul style="list-style-type: none">• Trẻ em	<ul style="list-style-type: none">• Ma hoàng, Phụ tử, Đại hoàng	<ul style="list-style-type: none">• Thể âm dương chưa vững, dễ phản ứng
<ul style="list-style-type: none">• Người già	<ul style="list-style-type: none">• Thuốc công hạ, lợi thủy	<ul style="list-style-type: none">• Tồn dương khí, mất tân dịch
<ul style="list-style-type: none">• Người bệnh gan thận	<ul style="list-style-type: none">• Hùng hoàng, Chu sa, Ô đầu	<ul style="list-style-type: none">• Tăng độc tính, gây suy gan thận

SỰ CẢM KỊ TRONG KHI DÙNG THUỐC

Thuốc Tây	Cảm kị với thuốc YHCT	Hậu quả
<ul style="list-style-type: none">Warfarin, Aspirin	<ul style="list-style-type: none">Đan sâm, Đào nhân, Hồng hoa	<ul style="list-style-type: none">Tăng nguy cơ chảy máu
<ul style="list-style-type: none">Insulin, Metformin	<ul style="list-style-type: none">Hoàng kỳ, Khổ qua	<ul style="list-style-type: none">Tụt đường huyết
<ul style="list-style-type: none">Thuốc an thần	<ul style="list-style-type: none">Toan táo nhân, Viễn chí, Long nhãn	<ul style="list-style-type: none">Tăng tác dụng an thần quá mức
<ul style="list-style-type: none">Lợi tiểu	<ul style="list-style-type: none">Trạch tả, Xa tiền, Phục linh	<ul style="list-style-type: none">Mất điện giải, hạ kali
<ul style="list-style-type: none">Corticoid	<ul style="list-style-type: none">Nhân sâm, Lộc nhung	<ul style="list-style-type: none">Làm tăng huyết áp, đường huyết

SỰ CẤM KỴ TRONG KHI DÙNG THUỐC

Cấm kỵ trong khi uống thuốc

- Cam thảo, hoàng liên, cát cánh, ô mai **kiêng** ăn thịt lợn;
- Bạc hà **kiêng** ba ba
- Phục linh **kiêng** giấm.
- Dùng thuốc ôn trung trừ hàn **không** ăn các đồ ăn lạnh
- Dùng các thuốc kiện tỳ, tiêu đạo **không** nên ăn chất béo.
- Dùng thuốc an thần **không** nên dùng chất kích thích.

Cấm Kỵ Theo Thói Quen (Kiêng kỵ khi dùng thuốc)

- **Kiêng đồ lạnh, tanh:** Khi uống thuốc Ôn ấm (trị hàn), phải kiêng đồ lạnh, hải sản tanh để tránh làm giảm tính nhiệt của thuốc và tăng thêm Hàn Tà.
- **Kiêng đồ cay nóng:** Khi uống thuốc Thanh nhiệt, giải độc, phải kiêng thức ăn cay, nóng để tránh tăng Nhiệt (hỏa) trong cơ thể, làm mất tác dụng của thuốc.
- **Kiêng đồ nếp trệ:** (Đồ nếp, thịt mỡ) khi uống thuốc kiện Tỳ, tiêu thực để tránh gây đầy bụng, cản trở sự vận hóa của Tỳ Vị.
- **Kiêng trà đặc:** Thường bị cấm vì trà có tính hạ khí, làm giảm tác dụng bổ của nhiều vị thuốc.

VÍ DỤ LÂM SÀNG

Tình huống 1:

- **BN nữ 28 tuổi, dương hư, hay lạnh tay chân, ra mồ hôi trộm.**
 - Sinh viên chọn bài Lục vị địa hoàng hoàn + Quế, Phụ để ôn dương.
 - Sai lầm: **Lục vị thiên về âm hư, thêm Quế Phụ thành ôn quá**, bệnh nhân bốc hỏa, hồi hộp, khô họng.
 - ✓ *LƯU Ý: phải phân biệt âm hư – dương hư, không “đắp thêm” thuốc nhiệt tùy tiện.*

VÍ DỤ LÂM SÀNG

Tình huống 2:

- **BN 60 tuổi, đại tiện 4 lần/ngày, lưỡi nhạt, rêu trắng, mạch nhu hoãn.**
 - Dùng Đại thừa khí thang vì nghĩ “táo kết”.
 - Sai lầm: Hư hàn tiêu chảy, tỳ vị hư → **hư mà dùng tả**, dẫn đến hư thoát.
- ✓ *LƯU Ý: quan sát lưỡi – mạch để phân biệt thật táo hay giả táo.*

VÍ DỤ LÂM SÀNG

Tình huống 3:

- **BN viêm khớp dạng thấp – đang dùng Methotrexate + Đan sâm + Hồng hoa.**
 - Sau 1 tuần chảy máu chân răng, xuất huyết dưới da.
 - Nguyên nhân: **Hoạt huyết + thuốc chống đông → chảy máu.**
- ✓ *LƯU Ý: phải hỏi kỹ thuốc Tây bệnh nhân đang dùng trước khi kê đơn.*

THANK YOU

For Your Listening

